

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 31/2008/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 09 tháng 12 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định vùng bảo hộ vệ sinh
khu vực lấy nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 20/5/1998; khoản 8 Điều 15 Nghị định số 179/1999/NĐ-CP ngày 30/12/1999 của Chính phủ quy định việc thi hành Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06/9/2006 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 81/2006/QĐ-TTg ngày 14/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về tài nguyên nước đến năm 2020;

Căn cứ vào Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng";

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 417/TTr-STNMT ngày 22/9/2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Lạng Sơn và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vy Văn Thành

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Vùng Bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt
trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 31 /2008/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn).*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định phạm vi bảo vệ nguồn nước cấp cho sinh hoạt, các hoạt động nằm trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trực tiếp khai thác, sử dụng nguồn nước cấp cho sinh hoạt và hoạt động liên quan đến vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nguồn nước sinh hoạt cần được bảo vệ:

1. Nguồn nước ưu tiên khai thác, sử dụng tạo nguồn cấp nước cho sinh hoạt bao gồm:

a) Các nguồn nước mặt (sông, suối, hồ chứa nước, đập dâng...), nguồn nước dưới đất (giếng khoan, giếng đào, mạch lộ, hang ngầm) đã và đang được khai thác, sử dụng cho mục đích sinh hoạt, ăn uống trên địa bàn;

b) Các nguồn nước nằm trong Quy hoạch được UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt tại Quyết định số: 587/QĐ-UBND ngày 06/4/2007 về việc phê duyệt dự án Quy hoạch tổng thể hệ thống cấp nước đô thị và các khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Lạng Sơn đến 2010 và định hướng đến năm 2020;

c) Các nguồn nước nằm trong Quy hoạch cấp nước sinh hoạt nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chất lượng nguồn nước:

a) Nguồn nước mặt khai thác, sử dụng cho mục đích sinh hoạt phải đảm bảo các chỉ tiêu nằm trong giới hạn cột A theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN: 5942-1995;

b) Nguồn nước dưới đất khai thác, sử dụng cho mục đích sinh hoạt phải đảm bảo các chỉ tiêu nằm trong giới hạn cột A theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN : 5944-1995.

Điều 4. Phạm vi bảo vệ nguồn nước sinh hoạt tập trung (theo Quy chuẩn xây dựng QCVN 01: 2008/BXB):

1. Đối với nguồn nước dưới đất: Tùy theo quy mô công trình cấp nước.

a) Bán kính bảo vệ 25 mét tính từ miệng giếng đối với giếng khoan quy mô nhỏ (là công trình giếng khoan khai thác nước dưới đất có đường kính ống chống hoặc ống vách dưới 110 milimét và thuộc công trình có lưu lượng dưới 200m³/ngày đêm);

b) Bán kính bảo vệ 50 mét tính từ miệng giếng đối với giếng khoan quy mô vừa (là công trình giếng khoan khai thác nước dưới đất có đường kính ống chống hoặc ống vách dưới 250 milimét và thuộc công trình có lưu lượng từ 200m³/ngày đêm đến dưới 3000m³/ngày đêm);

c) Bán kính bảo vệ 100 mét tính từ miệng giếng đối với giếng khoan quy mô lớn (là công trình giếng khoan khai thác nước dưới đất có đường kính ống chống hoặc ống vách trên 250 milimét và thuộc công trình có lưu lượng trên 3000m³/ngày đêm);

2. Đối với nguồn nước sinh hoạt lấy từ các hồ chứa: Phạm vi bảo vệ là toàn bộ lưu vực lòng hồ.

3. Đối với nguồn nước giếng đào và giếng thu nước mạch lộ:

a) Địa hình bằng phẳng: Bán kính bảo vệ 100 mét tính từ miệng giếng;

b) Địa hình có độ dốc: Bán kính bảo vệ 200 mét từ miệng giếng lên thượng nguồn, từ 100 mét xuống phía hạ nguồn.

4. Đối với nguồn nước sinh hoạt lấy từ sông, suối, đập dâng nước.

Phạm vi bảo vệ 500 mét từ điểm lấy nước lên thượng nguồn, lớn hơn hoặc bằng 100 mét từ điểm lấy nước xuống hạ nguồn và về phía hai bên bờ sông tính từ mực nước cao nhất.

Điều 5. Phạm vi bảo vệ nguồn nước sinh hoạt quy mô hộ gia đình:

1. Trường hợp sử dụng nước dưới đất được tính như sau:

a) Đối với giếng khoan: Tùy điều kiện địa hình, địa chất cụ thể, bán kính bảo vệ từ 10 mét đến 25 mét tính từ miệng giếng.

b) Đối với giếng đào, giếng thu nước mạch lộ:

- Địa hình bằng phẳng: Bán kính bảo vệ từ 15 m đến 30 mét tính từ miệng giếng;

- Địa hình có độ dốc: Bán kính bảo vệ lớn hơn hoặc bằng 50 mét từ miệng giếng lên thượng nguồn, tối thiểu 10 mét xuống phía hạ nguồn.

2. Trường hợp sử dụng nguồn nước mặt (sông, suối, hồ chứa, đập dâng): bán kính bảo vệ tối thiểu 100 mét tính từ điểm lấy nước.

Trên cơ sở quy định tại điều này, các hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng phương án bảo vệ nguồn nước do mình khai thác, sử dụng và áp dụng các biện pháp bảo vệ phù hợp với điều kiện cụ thể ở địa phương.

Điều 6. Những hành vi nghiêm cấm trong phạm vi bảo vệ nguồn nước:

1. Cấm đổ hoặc chôn lấp các loại chất thải gây ô nhiễm môi trường trong khu vực;
2. Cấm chăn thả gia súc, gia cầm, tắm giặt; cấm phóng uế bừa bãi;
3. Cấm chặt phá, đốt rừng, làm nương rẫy;
4. Cấm chôn lấp các loại xác động vật;
5. Cấm xây dựng các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm, nghĩa trang, nghĩa địa;
6. Cấm mọi hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản và hoạt động khác gây ô nhiễm nguồn nước;
7. Mọi trường hợp xả nước thải trong phạm vi bảo vệ nguồn nước phải được xử lý đạt tiêu chuẩn ở cột A của tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5945:2005 (đối với nước thải công nghiệp), tiêu chuẩn Việt Nam TCVN: 6772 (đối với nước thải sinh hoạt).

Chương III

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN VÀ CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

Theo dõi, đôn đốc thực hiện quy định, tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý đúng quy định;

Điều 8. Trách nhiệm của Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện, thành phố:

1. Phối hợp cùng với UBND các xã, phường, thị trấn, đơn vị khai thác, sử dụng tài nguyên nước thực hiện việc cắm mốc giới hạn phạm vi bảo vệ khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa; tổ chức kiểm tra, kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm;
2. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Lạng Sơn:

Chỉ đạo, điều hành việc cấm mốc giới hạn phạm vi bảo vệ nguồn nước sinh hoạt thuộc địa bàn quản lý và tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước, xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của Pháp luật về tài nguyên nước và Quy định này;

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:

1. Tham gia cùng các cơ quan chuyên môn, đơn vị có liên quan thực hiện việc khoanh định trên bản đồ, cấm mốc giới hạn phạm vi khu vực bảo vệ nguồn nước sinh hoạt trên thực địa thuộc địa bàn quản lý;

2. Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và thông báo nội dung phương án bảo vệ nguồn nước đến nhân dân địa phương

3. Hướng dẫn các hộ gia đình, cá nhân quản lý, bảo vệ tốt nguồn nước; tổ chức kiểm tra xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền;

4. Báo cáo định kỳ hoặc báo cáo đột xuất về hoạt động ảnh hưởng đến số lượng, chất lượng nguồn nước sinh hoạt cho cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước cấp huyện; đề xuất các biện pháp khắc phục sự cố môi trường gây ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước.

Điều 11. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý công trình khai thác, sử dụng nguồn nước cấp cho sinh hoạt:

1. Xây dựng phương án bảo vệ nguồn nước, lập hồ sơ khoanh định giới hạn vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước thuộc phạm vi công trình do mình trực tiếp quản lý khai thác, sử dụng quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 quy định này.

2. Chủ trì phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chuyên môn tổ chức cấm mốc giới hạn phạm vi bảo vệ khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa.

3. Khai thác, sử dụng nguồn nước sinh hoạt đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5942:1995; 5944:1995; xử lý nguồn nước cấp sinh hoạt đạt chất lượng theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế ban hành kèm theo Quyết định số 09/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 và Quyết định số 1329/2002/QĐ-BYT ngày 18/4/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế trước khi cung cấp đến các hộ dùng nước.

4. Định kỳ báo cáo hoặc báo cáo đột xuất khi cần thiết cho cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước và chính quyền địa phương về hoạt động của mình và hoạt động liên quan khác ảnh hưởng đến số lượng, chất lượng nguồn nước sinh hoạt.

Điều 12. Trách nhiệm của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân liên quan:

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị thực hiện việc khoanh vùng phạm vi bảo vệ nguồn nước đối với diện tích đất thuộc quyền sở hữu của mình nằm trong vùng bảo hộ; đồng thời chấp

hành nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ nguồn nước trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước theo quy định này;

2. Không xả các loại chất thải gây ô nhiễm môi trường trong khu vực bảo hộ; nước thải ra phải được xử lý đạt tiêu chuẩn nước thải loại A theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5945:2005 (đối với nước thải công nghiệp), tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6772 (đối với nước thải sinh hoạt) trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận.

Điều 13. Chế độ thông tin báo cáo:

1. Định kỳ sáu tháng, một năm- các đơn vị, tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác, sử dụng nguồn nước báo cáo tình hình thực hiện quy định cho UBND cấp huyện, thành phố (thông qua Phòng Tài nguyên và Môi trường) nơi công trình đang hoạt động.

2. Định kỳ sáu tháng, một năm- Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện, thành phố Lạng Sơn giúp UBND các huyện, thành phố tổng hợp báo cáo tình hình chấp hành quy định về bảo vệ nguồn nước theo quy định này và quy định khác liên quan đến tài nguyên nước cho UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường).

3. Sở Tài nguyên và Môi trường là đầu mối tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện quy định này cho UBND tỉnh; đề xuất các vướng mắc, sửa đổi, bổ sung kịp thời.

Chương IV

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 14. Khen thưởng: Các đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có thành tích trong việc bảo vệ tài nguyên nước được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Xử lý vi phạm: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân vi phạm quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của Pháp luật.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Kinh phí thực hiện:

1. Đối với các công trình khai thác nước thuộc sở hữu Nhà nước:

- Trường hợp xây dựng mới công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, nguồn kinh phí để xây dựng phương án bảo vệ nguồn nước, khoanh định, cắm mốc giới hạn vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước được tính trong tổng mức đầu tư xây dựng dự án;

- Trường hợp các công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước đang hoạt động, nguồn kinh phí để xây dựng phương án bảo vệ nguồn nước, khoanh định, cắm mốc giới hạn vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước do đơn vị trực tiếp quản lý khai thác đảm bảo.

2. Đối với các công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước thuộc các thành phần kinh tế khác, thì chủ đầu tư xây dựng công trình chịu trách nhiệm đảm bảo kinh phí để xây dựng phương án bảo vệ nguồn nước, khoanh định, cắm mốc giới hạn vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước.

Điều 17. Điều khoản thi hành:

Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Lạng Sơn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc liên quan đến nội dung quy định này, các đơn vị cần phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, phối hợp cùng các cơ quan liên quan đề xuất bổ sung, chỉnh sửa, thay thế kịp thời./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vy Văn Thành